TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST Ngày: 08-8-2024 "V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Phú Hữu

Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Thanh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 284/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 235/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số D, đường L, Tổ C, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thành S, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số E, Tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2024, nguyên đơn NguyễnĐẹp trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành S quen nhau và tổ chức đám cưới vào năm 2018. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 24/7/2019. Sau đám cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi do anh S thường xuyên cờ bạc, không lo quan tâm chăm sóc gia đình, chị Đ có khuyên anh S thay đổi tu chí làm ăn nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân khoảng bốn năm nay nhưng thỉnh thoảng anh S vẫn liên lạc với chị Đ và về thăm con nhưng không chu cấp tiền nuôi con. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành S.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thành S có một con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 07/5/2019. Hiện nay, con chung Nguyễn Ngọc T Anh đang sống chung với chị Đ. Sau khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Trúc A, chị Đ không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Ngọc Trúc A.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu nào khác, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Anh Nguyễn Thành S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành S và yêu cầu được nuôi con chung, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Thành S có địa chỉ tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên toà: Bị đơn Nguyễn Thành S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Nguyễn Thành S kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66, ngày 24/7/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh S nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thành S vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn. Tại phiên toà, anh Nguyễn Thành S vắng mặt, không có văn bản trình bày kiến. Xét thấy, anh Nguyễn Thành S không thể hiện ý muốn hàn gắn, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Nguyễn Thành S có nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Đ là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Nguyễn Thành S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 07/5/2019. Hiện nay, con chung Nguyễn Ngọc Trúc A đang sống cùng chị Nguyễn Ngọc Đ. Sau khi ly hôn chị Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Trúc A. Chị không yêu cầu anh S cấp d nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S không có ý kiến về con chung và vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh S không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi con chung. Từ khi chị Đ và anh S không sống chung đến nay con chung đều sống chung và gần gũi với chị Đ thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt. Đồng thời, con chung Nguyễn Ngọc T Anh có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị Nguyễn Ngọc Đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, tục giao con chung Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 07/5/2019 cho chị Đ tiếp nuôi dưỡng, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Ngọc Đ không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 07/5/2019; Anh S không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc Đ. Chị Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với anh Nguyễn Thành S.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc Đ. Chị Nguyễn Ngọc Đ và anh Nguyễn Thành S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 07/5/2019; giao con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc A, sinh ngày 07/5/2019 cho chị Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống chung với chị Nguyễn Ngọc Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009767 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị Nguyễn Ngọc Đ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn

Anh Nguyễn Thành S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tịnh Thới, TPCL (số 66 ngày 24/7/2019)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Thanh Thảo